

Số tham chiếu: 61002130/18604023-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 77, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt và chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt và chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Tịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2013-004-1



Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	Số cuối năm triệu đồng	Số đầu năm triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt và vàng	6	2.365.873	2.327.014
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7	5.737.827	3.766.305
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	8	11.407.028	17.765.281
Tiền gửi tại các TCTD khác	8.1	10.305.378	17.340.400
Cho vay các TCTD khác	8.2	1.101.650	424.881
Chứng khoán kinh doanh	9	64.696	32.090
Chứng khoán kinh doanh		79.227	42.212
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(14.531)	(10.122)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	10	-	295.339
Cho vay khách hàng		220.071.514	169.228.314
Cho vay khách hàng	11	222.183.039	170.461.787
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	13	(2.111.525)	(1.233.473)
Hoạt động mua nợ	12	11.755	119.255
Mua nợ		12.374	148.374
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(619)	(29.119)
Chứng khoán đầu tư	14	60.877.866	65.485.179
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		40.644.696	41.052.824
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		23.642.213	27.488.960
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(3.409.043)	(3.056.605)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	15	69.109	84.834
Đầu tư dài hạn khác		69.388	85.014
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(279)	(180)
Tài sản cố định		4.083.136	3.965.939
Tài sản cố định hữu hình	16.1	2.056.737	1.909.441
Nguyên giá tài sản cố định		2.806.133	2.552.200
Khấu hao lũy kế		(749.396)	(642.759)
Tài sản cố định vô hình	16.2	2.026.399	2.056.498
Nguyên giá tài sản cố định		2.178.419	2.172.694
Hao mòn lũy kế		(152.020)	(116.196)
Bất động sản đầu tư	17	52.734	46.731
Nguyên giá bất động sản đầu tư		53.429	47.128
Hao mòn lũy kế		(695)	(397)
Tài sản Cố khác	18	56.940.836	48.397.398
Các khoản phải thu		20.225.546	20.299.032
Các khoản lãi, phí phải thu		36.366.433	27.678.210
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.3	5.609	6.815
Tài sản Cố khác		634.943	790.933
Dự phòng rủi ro cho các tài sản		(291.695)	(377.592)
Có nội bảng khác		<u>361.682.374</u>	<u>311.513.679</u>
TỔNG TÀI SẢN			

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	Số cuối năm triệu đồng	Số đầu năm triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	19	5.633.342	8.895.156
Tiền gửi và vay các TCTD khác	20	29.901.864	23.207.536
Tiền gửi của các TCTD khác	20.1	12.238.402	9.589.583
Vay các TCTD khác	20.2	17.663.462	13.617.953
Tiền gửi của khách hàng	21	295.152.233	255.977.884
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	10	172.318	-
Phát hành giấy tờ có giá	22	6.510.000	1.006.000
Các khoản nợ khác	23	8.851.209	6.974.995
Các khoản lãi, phí phải trả		7.143.748	5.493.843
Các khoản phải trả và công nợ khác		1.707.461	1.481.152
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		346.220.966	296.061.571
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn	25.1	14.303.049	14.303.049
Vốn điều lệ		14.294.801	14.294.801
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		45	45
Thặng dư vốn cổ phần		95.912	95.912
Cổ phiếu quỹ		(87.709)	(87.709)
Các quỹ dự trữ		449.129	438.236
Lợi nhuận chưa phân phối		530.506	499.512
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	178.724	211.311
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.461.408	15.452.108
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		361.682.374	311.513.679

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm triệu đồng</i>
Bảo lãnh vay vốn		69.531	15.936
Cam kết mua ngoại tệ		1.938.644	6.117.361
Cam kết bán ngoại tệ		826.367	2.162.749
Cam kết mua ngoại tệ giao dịch hoán đổi		10.459.742	3.642.690
Cam kết bán ngoại tệ giao dịch hoán đổi		9.527.353	10.991.528
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		191.882	256.561
Bảo lãnh khác		1.086.732	692.064
Các cam kết khác		1.398.246	243.500
	40	25.498.497	24.122.389

Người lập:

Bà Thái Khánh Vân
Giám đốc Kế toán

Người kiểm soát:

Ông Nguyễn Văn Hùng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Võ Tân Hoàng Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay triệu đồng</i>	<i>Năm trước triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28	23.370.314	21.783.454
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	29	(20.435.410)	(17.273.987)
Thu nhập lãi thuần		2.934.904	4.509.467
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.088.291	585.228
Chi phí hoạt động dịch vụ		(521.781)	(247.558)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	30	566.510	337.670
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	31	40.777	21.114
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	32	11.169	4.591
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	33	238.502	136.825
Thu nhập từ hoạt động khác		261.395	165.361
Chi phí hoạt động khác		(17.378)	(176.790)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	34	244.017	(11.429)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	35	4.927	10.093
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		4.040.806	5.008.331
Chi phí nhân viên		(1.135.476)	(983.025)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(162.418)	(163.957)
Chi phí hoạt động khác		(1.142.110)	(1.471.559)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	36	(2.440.004)	(2.618.541)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.600.802	2.389.790
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13	(1.464.825)	(2.278.984)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		135.977	110.806
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(55.916)	(35.580)
Tổng chi phí thuế TNDN	24.1	(1.206)	4.656
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		(57.122)	(30.924)
<i>Trong đó:</i>		78.855	79.882
<i>Lợi nhuận phân phối cho các cổ đông của Ngân hàng</i>		75.269	76.406
<i>Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát</i>	26	3.586	3.476
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)</i>	27	14	

Người lập:

Bà Thái Khanh Vân
Giám đốc Kế toán

Người kiểm soát:

Ông Nguyễn Văn Hùng
Kế toán Trưởng



Ông Võ Tấn Hoàng Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B04/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay triệu đồng</i>	<i>Năm trước triệu đồng</i>
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được			
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả		8.844.508	4.369.433
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		(18.693.941)	(14.184.542)
Chênh lệch số tiền thực thu, thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng và ngoại tệ (Chi phí)/thu nhập từ hoạt động khác		566.510	337.670
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	34	189.878	514.183
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(4.920)	2.149
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	24	243.583	119.467
Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		(2.801.014)	(2.617.735)
		(46.941)	(11.026)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		(860.459)	(235.891)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(122.350)	(17.134.612)
Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		295.339	(295.339)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(42.666.393)	(31.555.390)
Giảm khác về tài sản hoạt động		1.507.129	1.738.776
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
(Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(3.261.814)	7.682.713
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		6.694.328	(2.709.667)
Tăng tiền gửi của khách hàng		39.095.349	57.472.735
Tăng phát hành giấy tờ có giá		-	1.006.000
Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		172.318	(133.018)
Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động		354.941	(342.071)
Chi từ các quỹ dự trữ		(3.116)	(19.443)
Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(10.497.065)	4.004.392

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B04/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay triệu đồng</i>	<i>Năm trước triệu đồng</i>
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(236.501)	(74.836)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		63.274	88.654
Mua sắm bất động sản đầu tư		(6.301)	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(12.640)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		34.562	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	35	4.927	10.093
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(140.039)	11.271
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có		5.504.000	-
Tăng vốn điều lệ		-	2.000.000
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	(7.683)
Tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.504.000	1.992.317
Tiền thuần trong năm		(5.133.104)	6.007.980
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	37	23.055.409	17.164.165
Tiền và các khoản tương đương tiền từ hợp nhất kinh doanh		-	119.659
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		(75.227)	(236.395)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	37	17.847.078	23.055.409

Người lập:

Bà Thái Khanh Vân
Giám đốc Kế toán

Người kiểm soát:

Ông Nguyễn Văn Hùng
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:
Ông Võ Tân Hoàng Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2017